

Đánh giá trình độ phát triển kế toán quản trị của các ngân hàng thương mại Việt Nam¹

ĐÀO THANH BÌNH*
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG**

Tóm tắt

Bài viết sử dụng mô hình IFAC với sự điều chỉnh tiêu chí và phương pháp phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM) cũng như điều kiện kinh tế của Việt Nam để đánh giá mức độ phát triển kế toán quản trị (KTQT) của các ngân hàng, từ đó tạo tiền đề cho việc nâng cao chất lượng KTQT và cải thiện năng lực quản trị rủi ro tại các NHTM.

Từ khóa: ngân hàng thương mại, kế toán quản trị, tiêu chí và phương pháp đánh giá, mô hình IFAC

Summary

The article employs IFAC model with adjustment of criterias and methods in accordance with characteristics of commercial banks and economic conditions in Vietnam so as to evaluate management accounting practices in commercial banks, contributing to improving the quality of management accounting and risk management capacity at these banks.

Keywords: commercial banks, management accounting, criteria and method for evaluation, IFAC model

GIỚI THIỆU

KTQT là bộ phận kế toán cung cấp các thông tin tài chính và phi tài chính cho các nhà quản trị, giúp họ lập kế hoạch, kiểm soát, điều hành các hoạt động của tổ chức; dự báo và ra các quyết định quản trị; đặc biệt là xây dựng và thực hiện các chiến lược phát triển dài hạn cho tổ chức. NHTM với đặc thù là các tổ chức kinh doanh “tiền” có độ rủi ro cao và mức độ ảnh hưởng lớn, nên vấn đề quản trị càng có ý nghĩa quan trọng. Một ngân hàng yếu kém trong quản trị sẽ không chỉ gây tổn thất cho chính ngân hàng đó, mà còn tạo nên những rủi ro nhất định mang tính dây chuyền cho các đơn vị khác và ngược lại. Do đó, KTQT tại các NHTM sẽ giúp nhìn nhận được năng lực quản trị hoạt động nói chung và quản trị rủi ro nói riêng của NHTM. Bởi vậy, đánh giá, định vị được trình độ phát triển KTQT của hệ thống NHTM có vai trò rất quan trọng, tạo luận cứ cho việc phát triển công cụ quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động cho NHTM.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo Khoản 10, Điều 3, Luật Kế toán năm 2015, KTQT được định nghĩa là “việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán”.

Như vậy, KTQT trong NHTM có thể được xem là quá trình xác định, đo lường, tổng hợp, phân tích, soạn thảo, giải thích và thông báo các thông tin tài chính và phi tài chính cho lãnh đạo NHTM để lập kế hoạch, đánh giá và kiểm tra nội bộ NHTM và để đảm bảo việc sử dụng đúng đắn và có trách nhiệm đối với mọi nguồn lực của NHTM. KTQT trong NHTM được thiết kế không chỉ để thỏa mãn nhu cầu thông tin của các nhà quản lý bên trong NHTM, mà còn là các nhà quản lý hệ thống tài chính quốc gia, Ngân hàng Nhà nước cùng toàn bộ nền kinh tế. Chất lượng hoạt động quản lý, năng lực kiểm soát trong các NHTM không những tác động đến giá trị của ngân hàng và giá vốn của họ, mà còn tác động đến giá vốn của các doanh nghiệp và hộ gia đình mà họ huy động vốn hay cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng khác. Công tác tổ chức và quản trị tại NHTM khi đó sẽ tác động trực tiếp đến giá trị của ngân

* TS., ** TS., Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Ngày nhận bài: 10/3/2021; Ngày phản biện: 10/4/2021; Ngày duyệt đăng: 13/4/2021

¹ Bài báo là kết quả nghiên cứu của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở số T2020-PC-042. Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã tài trợ kinh phí cho việc thực hiện Đề tài.

BẢNG 1: THANG ĐO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN KTQT CỦA NHTM

Giai đoạn 1	Kế toán chi phí theo phương pháp giản đơn/toàn bộ Kế toán theo chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý và chi phí thuế Kế toán chi phí theo định mức Dự toán doanh thu Dự toán chi phí Dự toán tiền/dòng tiền Phân tích dự án đầu tư theo thời gian hoàn vốn/tỷ lệ hoàn vốn Phân tích dự án đầu tư theo phương pháp chiết khấu dòng tiền Dự toán linh hoạt
Giai đoạn 2	Kế toán chi phí theo NIM Kế toán trách nhiệm Phân loại chi phí thành biến phí và định phí Dự toán báo cáo tài chính Phân tích các chỉ số tài chính Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận Phân tích khả năng sinh lời Phân tích lợi nhuận của nhóm sản phẩm Các mô hình dự báo dài hạn
Giai đoạn 3	Kế toán chi phí theo hoạt động Phân tích thăng dư lợi nhuận Sử dụng KPI cho toàn công ty/hoặc từng bộ phận Phân tích lợi nhuận khách hàng Phân tích chi phí chất lượng sản phẩm Dự toán từ số 0 Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến nhân viên
Giai đoạn 4	Kế toán chi phí theo mục tiêu Thẻ điểm cân bằng Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến sự hài lòng của khách hàng Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến đổi mới, sáng tạo Đối sánh với công ty khác và/hoặc trung bình ngành KTQT chi phí môi trường Quản trị chất lượng toàn diện Quản trị tinh gọn Phân tích chuỗi giá trị Phân tích vòng đời sản phẩm Phân tích giá trị cổ đông

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

hàng, cũng như tới vị thế và uy tín của ngân hàng cùng mức an toàn của toàn bộ hệ thống tài chính.

Mô hình nghiên cứu

Vào tháng 3/1998, Liên đoàn Kế toán viên Quốc tế (IFAC) phát hành một mô hình giải thích sự phát triển của KTQT theo lịch sử hình thành và đặc điểm chung của từng giai đoạn phát triển. Theo đó, sự phát triển của KTQT trên thế giới có thể chia thành 4 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 (từ năm 1950 trở về trước): Trong giai đoạn này, KTQT chủ yếu tập trung vào các phương pháp xác định chi phí, tính giá thành sản phẩm và kiểm soát tài chính nội bộ. KTQT được coi đơn thuần là một kỹ thuật hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu quản lý đã đề ra.

- Giai đoạn 2 (từ năm 1950 đến năm 1965): KTQT tập trung vào việc cung cấp thông tin cho lập kế hoạch và kiểm soát trong doanh nghiệp. KTQT phát triển thêm một bước và trở thành một công cụ quản lý ở mức thấp.

- Giai đoạn 3 (từ năm 1965 đến năm 1985): KTQT tập trung vào việc giảm lãng phí trong việc sử dụng các nguồn lực. Các phương pháp được sử dụng rộng rãi trong giai đoạn này có thể kể đến, như: phân tích và kiểm soát chi phí, tính giá thành dựa trên hoạt động, đánh giá kết quả hoạt động dựa trên các thông tin phi tài chính...

- Giai đoạn 4 (từ năm 1995 đến nay): KTQT tập trung vào các phương pháp giúp tạo ra giá trị cho doanh nghiệp thông qua việc sử dụng các nguồn lực và các ứng dụng khoa học, công nghệ một cách có hiệu quả, chẳng hạn như: phương pháp chi phí theo mục tiêu, quản trị tinh gọn, hay thẻ điểm cân bằng (BSC)...

Bốn giai đoạn phát triển kể trên không loại trừ lẫn nhau. Giai đoạn này kế thừa giai đoạn trước bằng việc điều chỉnh các phương pháp KTQT cũ, hoặc phát triển thêm các phương pháp KTQT mới để đáp ứng đòi hỏi của môi trường kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

Đã có nhiều nghiên cứu đã áp dụng mô hình IFAC để đánh giá trình độ phát triển KTQT của các tổ chức tại Việt Nam và trên thế giới, tiêu biểu như: Nguyen Thi Phuong Dung (2018), Terdpaopong và cộng sự (2018), Nguyen và Aoki (2014), Abdel-Kader và Luther (2008), Sliehat và cộng sự (2012)... Tuy nhiên, áp dụng mô hình IFAC để đánh giá KTQT trong ngành ngân hàng còn rất mới và hầu như chưa có các nghiên cứu tại thị trường Việt Nam. Việc áp dụng mô hình IFAC để đánh giá trình độ phát triển KTQT tại các NHTM Việt Nam sẽ cung cấp một bức tranh vĩ mô, toàn cảnh về thực trạng phát triển KTQT tại các ngân hàng dưới con mắt của một thang đo quốc tế. Do đó, dựa trên mô hình IFAC với sự điều chỉnh tiêu chí và phương pháp phù hợp với đặc điểm hoạt động của NHTM, cũng như điều kiện kinh tế của Việt Nam, để đánh giá mức độ phát triển KTQT của các ngân hàng, nhóm tác giả sử dụng thang đo trình bày tại Bảng 1.

Phương pháp nghiên cứu

Với bộ tiêu chí đề xuất ở trên, để có được những đánh giá khách quan hơn về mức độ phát triển KTQT tại các NHTM, nhóm tác giả đã thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi tới 50 cán bộ làm việc tại các phòng kế toán, phòng kiểm toán nội bộ, bộ phận quản trị rủi ro và ban quản lý tài sản nợ, có của 12 NHTM. Cuộc khảo sát bằng phiếu phỏng vấn bắt đầu từ tháng 11/2020 và kết thúc vào tháng 3/2021. 49 phiếu thu về hợp lệ được sử dụng cho phân tích chính thức.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả khảo sát chỉ ra một số điểm nổi bật về trình độ phát triển KTQT tại các NHTM Việt Nam như sau:

Phương pháp tính giá

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, các phương pháp tính giá truyền thống của Giai đoạn 1 như: Kế toán theo chi phí hoạt động kinh doanh, phí quản lý và chi phí thuế và Kế toán chi phí theo định mức được sử dụng với tỷ lệ cao nhất, với mức điểm lần lượt là 4,579 và 4,316. Trong khi đó, các phương pháp tính giá hiện đại của Giai đoạn 3 và 4 lại được sử dụng với tỷ lệ thấp nhất.

Như vậy, kế toán chi phí theo chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý và chi phí thuế được coi là công cụ sử dụng chủ đạo. Công cụ này cũng được thể hiện rõ trong quy chế tài chính, phân loại doanh thu, chi phí và quy định về hệ thống định mức, dự toán chi phí cũng như phân bổ dự toán từ hội sở đến tất cả các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống của hầu hết các NHTM. Tuy nhiên, NHTM với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là dịch vụ ngân hàng, tài chính, nên công cụ Kế toán chi phí sản phẩm theo định mức đã không được chú trọng sử dụng, mà thay vào đó là các công cụ, như: Kế toán theo chi phí mục tiêu, Phân tích chi phí chất lượng sản phẩm, Kế toán chi phí theo hoạt động và Phân loại chi phí thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Điều này hoàn toàn phù hợp với các tiếp cận tổ chức KTQT theo hướng tăng cường quản trị rủi ro tại các NHTM hiện nay.

Phương pháp dự toán

Phương pháp dự toán của Giai đoạn 1 và 2 trong mô hình IFAC được sử dụng phổ biến, bao gồm: Dự toán báo cáo tài chính, Dự toán doanh thu, Dự toán chi phí và Dự toán dòng tiền. Các phương pháp của Giai đoạn 3 và 4 như Dự toán từ số 0, Phân tích độ nhạy của chi phí được sử dụng với tỷ lệ thấp nhất (Bảng 3).

Có thể thấy, hệ thống dự toán tại các NHTM tập trung vào các nội dung dự toán doanh thu; dự toán chi phí. Hệ thống dự toán chi phí kinh doanh được thiết lập tập trung toàn bộ hệ thống, sau đó giao xuống các đơn vị và cấp chi nhánh, nhưng lại khá linh hoạt đối với các khoản chi phí ngoài kinh doanh. Phần lớn chi phí hoạt động của NHTM được phân loại là chi phí hỗn hợp (với định mức linh hoạt). Tuy nhiên, dự toán báo cáo tài chính chỉ được thiết lập tại hội sở (quản trị cấp cao), còn tại cấp chi nhánh (đơn vị tác nghiệp, đơn vị kinh doanh) chỉ tập trung vào dự toán doanh thu, chi phí và dòng tiền. Những nội dung như Phân tích độ nhạy của chi phí ít được sử dụng tại cấp chi nhánh.

BẢNG 2: PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Phương pháp tính giá	Phân loại chi phí thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp	Kế toán chi phí theo định mức	Kế toán chi phí theo hoạt động	Kế toán theo chi phí mục tiêu	Phân tích chi phí chất lượng sản phẩm	Kế toán chi phí theo NIM	Kế toán theo chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý và chi phí thuế
Trung bình	4,421	4,316	4,316	4,263	4,211	4,211	4,579
Độ lệch chuẩn	0,838	0,749	0,749	0,733	0,855	0,918	0,607
Giai đoạn	2	1	3	4	3	2	1

BẢNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ TOÁN

Phương pháp dự toán	Dự toán doanh thu	Dự toán chi phí	Dự toán tiền/dòng tiền	Dự toán báo cáo tài chính	Dự toán linh hoạt	Phân tích độ nhạy của chi phí	Dự toán từ số 0
Trung bình	4,579	4,632	4,263	4,526	4,105	4,211	3,842
Độ lệch chuẩn	0,507	0,496	0,653	0,513	0,737	0,631	0,898
Giai đoạn	1	1	1	2	1	4	3

BẢNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP KTQT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

KTQT cho đánh giá hiệu quả hoạt động	Thế điểm cân bằng	Phân tích các chỉ tiêu tài chính	Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến sự hài lòng của khách hàng	Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến đổi mới, sáng tạo	Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến nhân viên	Đối sánh với ngân hàng khác và/hoặc trung bình ngành	Phân tích thặng dư lợi nhuận	Kế toán trách nhiệm
Trung bình	4,158	4,579	4,263	3,895	4,158	4,474	4,211	3,947
Độ lệch chuẩn	0,834	0,507	0,806	0,937	0,898	0,612	0,713	0,848
Giai đoạn	4	2	4	4	3	4	3	2

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Phương pháp KTQT đánh giá hiệu quả hoạt động

Theo số liệu ở Bảng 4, Phân tích các chỉ tiêu tài chính thuộc Giai đoạn 2 là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất tại các ngân hàng. Các phương pháp thuộc Giai đoạn 3 và 4 như Phân tích các chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến đổi mới sáng tạo và Phân tích thặng dư lợi nhuận được sử dụng với tỷ lệ thấp hơn.

Ở nội dung này, hệ thống báo cáo quản trị cũng tập trung nhiều hơn vào phục vụ việc phân tích các chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu phi tài chính liên quan đến sự hài lòng của khách hàng, nhân viên, cũng như đối sánh tương quan với các ngân hàng, chi nhánh hoặc địa bàn khác. Như vậy, hệ thống báo cáo quản trị phát huy tốt vai trò là một công cụ đánh giá, giám sát hoạt động và thực hiện chỉ tiêu kinh doanh trên toàn bộ hệ thống.

KTQT cho việc ra quyết định

Bảng 5 cho thấy, các phương pháp KTQT của Giai đoạn 2 chiếm tỷ lệ cao nhất. Các phương pháp thuộc nhóm này được áp dụng với tỷ lệ khác cao và đồng đều tại hầu hết các ngân hàng.

KTQT chiến lược

Theo kết quả nghiên cứu trình bày tại Bảng 6, các phương pháp KTQT chiến lược được sử dụng với tỷ lệ thấp hơn khá nhiều so với 4 nhóm phương pháp KTQT kể trên. Phân tích chuỗi giá trị và Phân tích vòng đời sản phẩm được sử dụng với tỷ lệ cao hơn so với các phương pháp còn lại.

Bên cạnh đó, qua khảo sát cũng cho thấy, hầu hết các NHTM đã đề cao vai trò của KTQT, đặc biệt trong

BẢNG 5: KTQT CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

KTQT cho việc ra quyết định	Phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận	Phân tích khả năng sinh lời	Phân tích lợi nhuận của nhóm sản phẩm	Phân tích lợi nhuận của nhóm khách hàng	Sử dụng KPI cho toàn công ty/ hoặc từng bộ phận	Phân tích dự án đầu tư theo phương pháp chiết khấu dòng tiền	Phân tích dự án đầu tư theo thời gian hoàn vốn/ tỷ lệ hoàn vốn
Trung bình	4,632	4,632	4,579	4,632	4,579	4,316	4,158
Độ lệch chuẩn	0,597	0,496	0,607	0,496	0,507	0,749	0,765
Giai đoạn	2	2	2	2	3	1	1

BẢNG 6: KTQT CHIẾN LƯỢC

KTQT chiến lược	Phân tích chuỗi giá trị	Phân tích giá trị cổ đông	Phân tích vòng đời sản phẩm	Quản trị dựa trên chi phí mục tiêu	KTQT chi phí môi trường	Quản trị chất lượng toàn diện	Quản trị tinh gọn	Các mô hình dự báo dài hạn
Trung bình	4,105	3,947	4,158	4,000	3,684	3,789	3,737	3,947
Độ lệch chuẩn	0,737	0,705	0,765	0,882	0,820	0,855	0,933	0,911
Giai đoạn	4	4	4	4	4	4	4	2

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

lập kế hoạch định kỳ tháng/quý/năm và kiểm soát rủi ro, đánh giá quy mô lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, huy động vốn của toàn ngân hàng cũng như từng đơn vị kinh doanh trong ngân hàng, hỗ trợ lập báo cáo tài chính và làm cơ sở để đưa ra quyết định mở rộng mạng lưới hoặc đầu tư, ban hành/sửa đổi các chương trình, sản phẩm dịch vụ hiện hành.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho biết, sự phát triển KTQT tại các NHTM Việt Nam hiện nay đang ở mức trung bình, tập trung nhiều ở Giai đoạn 1 và 2 theo mô hình IFAC. Theo khảo sát của nhóm tác giả, một số NHTM,

như Vietcombank, BIDV, VietinBank... có mức độ phát triển KTQT ở mức cao hơn (Giai đoạn 3) và đây là những NHTM dẫn đầu cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động tại Việt Nam. Như vậy, các NHTM đã sử dụng KTQT như một công cụ hữu hiệu để giám sát hiệu quả mọi mặt hoạt động của mình, cũng như đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước, cho thị trường cũng như đảm bảo điều kiện áp dụng các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về quản trị kinh doanh NHTM và báo cáo tài chính.

Để tiếp tục phát triển KTQT, các NHTM nên tập trung vào một số vấn đề cốt lõi sau:

Thứ nhất, tăng tính thống nhất trong chiến lược phát triển, sự minh bạch rõ ràng trong phân cấp quản lý (cơ cấu tổ chức hoạt động) và nhận thức của các cấp quản trị trong mỗi NHTM.

Thứ hai, nâng cao mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (đặc biệt là ngân hàng lõi - Core banking) và năng lực đầu tư vào công nghệ ngân hàng của mỗi NHTM, từ đó hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị theo hướng toàn diện, đa dạng và có tính phân tích cao.

Thứ ba, quy chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị (tài chính và phi tài chính) trong nội bộ mỗi NHTM và giữa các NHTM với Ngân hàng Nhà nước cùng các cơ quan giám sát tài chính quốc gia.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự kế toán, tài chính của mỗi NHTM. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2015). *Luật Kế toán*, số 88/2015/QH13, ngày 20/11/2015
- Abdel-Kader, M.G., Luther, R. (2008). The impact of firm characteristics on management practices: A UK based empirical analysis, *British Accounting Review*, 40(1), 2-27
- IFAC (1998). *Management accounting concepts: International Management Accounting Practice Statement*, New York
- Nguyen Thi Phuong Dung (2018). The evolutionary stages of management accounting practices in Vietnamese manufacturing and commercial enterprises, *International Journal of Business, Economics and Law*, 16(5), 216-224
- Nguyen, T. P. D., Aoki M. (2014). The Evolution of Management Accounting Practices in Vietnam: a Survey Research on Vietnamese Food and Beverage Enterprises, *The Keizai Gaku, Annual Report of the Economic Society, Tohoku University*, 74(4), 167-184
- Nguyen Thi Phuong Dung, Dao Thanh Binh, William Lyle Hamby Jr. (2019). *Management accounting practices in Vietnamese commercial banks: A literature perspective*, Proceedings of The 7th international conference on emerging challenges: Management in the digital evolution, 184-190
- Sliehat, N., Al-Nimer, M., Almahamid, S. (2012). An exploratory study of the level of sophistication of management accounting practices in Jordan, *International Business Research*, 5(9), 217-234
- Terdpaopong, K., Visedsun, N., Nitirojntanad, K., Sandhu, K. (2018). *The Advancement of Management Accounting Practices of The Large Thai Manufacturing Companies*, Proceedings of Asia-Pacific Management Accounting Association (APMAA) 2018 Conference, Waseda University, Tokyo, Japan